

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành các chương trình đào tạo định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Kiên Giang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-ĐHKG ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định khối lượng và cấu trúc chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng;

Xét Đề nghị của Ban chỉ đạo công tác soạn thảo, rà soát và xây dựng các chương trình đào tạo trình độ đại học định hướng ứng dụng;

Theo đề nghị của Lãnh đạo phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Danh mục gồm 22 Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng (Danh mục chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Chương trình đào tạo được ban hành áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023 (Khóa 09) tại Trường Đại học Kiên Giang.

Điều 3. Lãnh đạo Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, các Khoa, các đơn vị thuộc, trực thuộc trường, người học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (qua mail trường);
- Lưu: VT, ĐT (5b).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành



DANH MỤC

Các Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Kiên Giang

Stt	Tên chương trình	Trình độ	Khoa quản lý	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Đại học	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	
2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Đại học		
3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Đại học		
4	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đại học	Khoa Tài nguyên - Môi trường	
5	Quản lý tài nguyên và môi trường	Đại học		
6	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Khoa Ngoại Ngữ	
7	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	Đại học	Khoa Sư phạm và Xã hội nhân văn	
8	Du lịch	Đại học		
9	Sư phạm toán học	Đại học		
10	Giáo dục tiểu học	Đại học		
11	Luật	Đại học		
12	Kế toán	Đại học	Khoa Kinh tế	
13	Quản trị kinh doanh	Đại học		
14	Tài chính - ngân hàng	Đại học		
15	Kinh doanh quốc tế	Đại học		
16	Công nghệ thực phẩm	Đại học	Khoa Khoa học Thực phẩm và Sức khỏe	
17	Công nghệ sinh học	Đại học	Khoa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
18	Nuôi trồng thủy sản	Đại học		
19	Khoa học cây trồng	Đại học		
20	Chăn nuôi	Đại học		
21	Kinh doanh nông nghiệp	Đại học		
22	Công nghệ thông tin	Đại học	Khoa Thông tin và Truyền thông	

Danh sách gồm 22 chương trình./.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 894/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 08 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: Công Nghệ Kỹ Thuật Xây Dựng
(Construction Engineering Technology)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công Nghệ Kỹ Thuật Xây Dựng

Mã ngành: 7510103

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình giáo dục đại học ngành Công nghệ kỹ thuật Xây dựng được thiết kế nhằm đào tạo sinh viên trở thành những kỹ sư xây dựng có phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức nền tảng cốt lõi và chuyên nghiệp; có khả năng ứng dụng nghề nghiệp trong lĩnh vực xây dựng công trình; tham gia vào quá trình lập Kế hoạch, tư vấn, thiết kế, thi công, vận hành và quản lý công trình xây dựng; có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm; có khả năng tự chủ, thái độ chuyên nghiệp và thích ứng tốt với nhiều môi trường làm việc khác nhau, đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Kiến thức về khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội và nhân văn.
- PO2: Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức thực tế về lĩnh vực kỹ thuật công trình xây dựng.

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO3: Tính toán và phân tích số liệu, thiết kế kết cấu, triển khai, tổ chức thi công và quản lý các dự án công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- PO4: Sử dụng thành thạo các phần mềm hiện hành phục vụ cho công việc chuyên ngành xây dựng.
- PO5: Có kỹ năng giao tiếp và lập luận kỹ thuật tốt, có tinh thần hợp tác và làm việc nhóm hiệu quả.

1.2.3 Về thái độ:

- PO6: Đào tạo ra lực lượng tri thức có phẩm chất cá nhân, có đạo đức xã hội, có đạo đức nghề nghiệp và có ý thức cao trong công việc.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1 Kiến thức

- (PLO1) Áp dụng được kiến thức về khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo.

- (PLO2) Vận dụng kiến thức nền tảng như vẽ kỹ thuật, cơ học, sức bền, vật liệu, trắc địa, kỹ thuật điện, cấp thoát nước... để giải quyết các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực xây dựng và học tốt các kiến thức chuyên ngành.

- (PLO3) Ứng dụng kiến thức chuyên ngành trong thiết kế, thi công, tổ chức thi công và quản lý công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

- (PLO4) Xác định các vấn đề kỹ thuật thực tế phát sinh tại công trường và lựa chọn, đề xuất phương án khả thi để giải quyết.

- (PLO5) Đánh giá chất lượng công trình nhằm giúp đưa ra quyết định nghiệm thu công trình hoặc giúp đề ra các biện pháp bảo dưỡng công trình.

2.2 Kỹ năng

- (PLO6) Vận hành máy móc, trang thiết bị và phân tích số liệu trong đo đạc, khảo sát, thí nghiệm, thực nghiệm công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

- (PLO7) Thiết kế kết cấu, lập biện pháp thi công một phần hay toàn bộ dự án xây dựng bằng những kỹ năng chuyên nghiệp tích hợp trong toàn bộ chương trình giảng dạy.

- (PLO8) Triển khai, vận hành các sản phẩm thiết kế như khảo sát, tham gia xây dựng, dự toán, tổ chức và quản lý các dự án xây dựng.

- (PLO9) Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả; trình bày ý tưởng thiết kế và lập luận thuyết phục về lĩnh vực xây dựng. Thích nghi với việc học tập suốt đời.

- (PLO10) Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Đạt chuẩn đầu ra công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng tốt các phần mềm chuyên ngành để tính dự toán và thiết kế kỹ thuật xây dựng.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- (PLO11) Thể hiện tính trung thực, khách quan, hành vi chuyên nghiệp để thích nghi với văn hóa doanh nghiệp; tuân thủ nguyên tắc an toàn và đạo đức nghề nghiệp của kỹ sư.

- (PLO12) Ý thức trách nhiệm công dân, nhân ái, bảo vệ môi trường; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm/ BTL, Đồ án/ Thực tập	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			31				
1.1 Kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
1.2 Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm/ BTL, Đồ án/ Thực tập	Bài tập ứng dụng	Tổng
1.3 Kiến thức tự chọn			7				
* Nhóm tự chọn 1			4				
18	A25002	Âm nhạc đại cương	2	15	30	0	45
19	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30	0	45
20	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30	0	45
21	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
22	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
23	B26008	Quản trị học	2	30	0	0	30
24	H25001	Dân số sức khoẻ và môi trường	2	30	0	0	30
25	A25007	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	0	0	30
* Nhóm tự chọn 2			3				
26	E25206	Cơ - Nhiệt ứng dụng (LT+TH)	3	30	30	0	60
27	E25207	Điện - Quang ứng dụng (LT+TH)	3	30	30	0	60
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			119				
2.1 Kiến thức cơ sở ngành			39				
28	E26210	Toán ứng dụng 1	2	15	0	15	30
29	E26211	Toán ứng dụng 2 (LT&BTL)	3	30	30	0	60
30	E26004	Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng	2	15	30	0	45
31	E26005	Cơ học ứng dụng (LT&BTL)	3	30	30	0	60
32	E26016	Sức bền vật liệu (LT&BTL)	4	45	30	0	75

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm/ BTL, Đồ án/ Thực tập	Bài tập ứng dụng	Tổng
33	E26017	Cơ học kết cấu 1 (LT&BTL)	3	30	30	0	60
34	E26018	Cơ học kết cấu 2 (LT&BTL)	3	30	30	0	60
35	E26014	Họa hình – Vẽ kỹ thuật (LT&BTL)	2	15	30	0	45
36	E26006	Vẽ xây dựng (LT&BTL)	2	15	30	0	45
37	E26008	Nguyên lý thiết kế kiến trúc (LT&BTL)	2	15	30	0	45
38	E26010	Trắc địa (LT)	2	30	0	0	30
39	E26011	Trắc địa (TH)	1	0	30	0	30
40	E26012	Cơ học đất (LT+TH)	3	30	30	0	60
41	E26013	Vật liệu xây dựng (LT+TH)	3	30	30	0	60
* Nhóm tự chọn 3			2				
42	E26007	Phương pháp nghiên cứu khoa học (LT&BTL)	2	15	30	0	45
43	E26205	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật (LT+TH)	2	15	30	0	45
* Nhóm tự chọn 4			2				
44	E26002	Cấp thoát nước	2	30	0	0	30
45	E26003	Kỹ thuật điện	2	30	0	0	30
2.2 Kiến thức ngành			70				
46	E27007	Địa chất công trình	2	30	0	0	30
47	E27025	Kết cấu bê tông cốt thép 1	3	45	0	0	45
48	E27026	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 1	1	0	30	0	30
49	E27027	Kỹ thuật thi công	3	45	0	0	45

7
G
C
NG
O

br

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm/ BTL, Đồ án/ Thực tập	Bài tập ứng dụng	Tổng
50	E27028	Đồ án kỹ thuật thi công	1	0	30	0	30
51	E27029	Tổ chức thi công (LT&BTL)	3	30	30	0	60
52	E27030	Kết cấu thép 1 (LT&BTL)	3	30	30	0	60
53	E27031	Nền móng (LT&BTL)	4	45	30	0	75
54	E27032	Đồ án nền móng	1	0	30	0	30
55	E27034	Dự toán (LT+TH)	2	15	30	0	45
56	E27035	Kết cấu bê tông cốt thép 2 (LT&BTL)	3	30	30	0	60
57	E27036	Đồ án kết cấu công trình bê tông cốt thép	2	0	60	0	60
58	E27037	Cấu tạo kiến trúc	2	30	0	0	30
59	E27038	Đồ án cấu tạo kiến trúc	1	0	30	0	30
60	E27040	Tiếng Anh chuyên ngành CNKTXD	2	15	30	0	45
61	E27041	Kết cấu thép 2 (LT&BTL)	3	30	30	0	60
62	E27042	Đồ án kết cấu công trình thép	2	0	60	0	60
63	E27043	Máy xây dựng và an toàn lao động	3	30	30	0	60
64	E27044	Thực tập công nhân	4	0	180	0	180
65	E27045	Thực tập tổng hợp kỹ thuật xây dựng	4	0	180	0	180
66	E27046	Thực hành vẽ xây dựng trên máy tính (TH)	2	0	60	0	60
67	E27047	Tin học ứng dụng trong xây dựng (TH)	2	0	60	0	60
68	E27048	Thực hành kết cấu	2	0	60	0	60

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm/ BTL, Đồ án/ Thực tập	Bài tập ứng dụng	Tổng
69	E27049	Nhà cao tầng (LT&BTL)	3	30	30	0	60
70	E27015	Kết cấu bê tông cốt thép 3	2	30	0	0	30
* Nhóm tự chọn 5			4				
71	E27008	Quản lý dự án xây dựng	2	30	0	0	30
72	E27009	Quy hoạch đô thị	2	30	0	0	30
73	E27053	Đánh giá tác động môi trường - KTCN	2	30	0	0	30
74	E27054	Luật xây dựng	2	30	0	0	30
* Nhóm tự chọn 6			3				
75	E27061	Phương pháp phần tử hữu hạn (LT&BTL)	3	30	30	0	60
76	E27062	Động lực học công trình (LT&BTL)	3	30	30	0	60
77	E27063	Kết cấu liên hợp thép và bê tông (LT&BTL)	3	30	30	0	60
78	E27064	Kết cấu bê tông ứng suất trước (LT&BTL)	3	30	30	0	60
* Nhóm tự chọn 7			3				
79	E27065	Trang thiết bị công trình (LT&BTL)	3	30	30	0	60
80	E27066	Công trình trên nền đất yếu (LT&BTL)	3	30	30	0	60
81	E27067	Giám sát và kiểm định công trình xây dựng (LT&BTL)	3	30	30	0	60
82	E27068	Kỹ thuật thi công nền móng nhà cao tầng (LT&BTL)	3	30	30	0	60
2.3 Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương			10				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm/ BTL, Đồ án/ Thực tập	Bài tập ứng dụng	Tổng
83	E28001	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	450	0	450
84	E28002	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	180	0	180
85	E28003	Chuyên đề kết cấu 1	2	0	90	0	90
86	E28005	Chuyên đề nền móng	2	0	90	0	90
87	E28004	Chuyên đề kết cấu 2	2	0	90	0	90
88	E28006	Chuyên đề dự toán	2	0	90	0	90
89	E28007	Chuyên đề kỹ thuật thi công	2	0	90	0	90
90	E28008	Chuyên đề tổ chức thi công	2	0	90	0	90

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo ./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành